

**明新學校財團法人明新科技大學-114年度暑假住宿申請表(外籍生)**  
**Đại học Khoa học – Mingxin – ( đăng ký chỗ ở kỳ nghỉ hè 114**  
**(Sinh viên nước ngoài)**

|                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                  |                                                              |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 姓 名<br>họ Tên                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 性 別<br>Tình Khác<br>dục                                                                                                          | 男 Nam <input type="checkbox"/> 女 Nữ <input type="checkbox"/> |
| 學 號<br>học số                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <input type="checkbox"/> 四技<br>bốn kỹ năng<br><input type="checkbox"/> 二技<br>hai kỹ năng<br><input type="checkbox"/> 研究所<br>Viện | _____ hệ thống<br>_____ 年 Năm<br>_____ 班 lớp học             |
| 學生電話<br>Điện thoại sinh viên         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 家長電話<br>Điện thoại<br>dành cho cha mẹ                                                                                            |                                                              |
| 申請原因<br>Lý do nộp hồ sơ              | <input type="checkbox"/> 打工 bán thời gian <input type="checkbox"/> 專題研究 nghiên cứu đặc biệt <input type="checkbox"/> 球隊集訓 đào tạo nhóm <input type="checkbox"/> 其他 những người khác _____                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                  |                                                              |
| 住宿起迄日期及費用<br>Ngày và chi phí lưu trú | <p><b>【請勾選階段】</b></p> <p><input type="checkbox"/> 《第一階段》 114/6/23-114/7/26<br/>         Giai đoạn I, 114/6/23-114/7/26<br/> <u>住宿費 4,080 元</u> (120 元/天, 共計 34 天)、<u>保證金 500 元</u>、<u>電費 800 元</u><br/> <u>Phi ăn ở là 4,080 nhân dân tệ</u> (120 nhân dân tệ / ngày, tổng cộng 34 ngày) <u>Tiền đặt cọc là 500 nhân dân tệ</u> và <u>phi điện là 800 nhân dân tệ</u></p> <p style="text-align: right;">合計: 5,380 元整</p> <p style="text-align: right;">Tổng cộng: 5,380 nhân dân tệ</p> <p><input type="checkbox"/> 《第二階段》 114/7/27-114/8/22<br/>         Giai đoạn II, 114/7/27-114/8/22<br/> <u>住宿費 3,240 元</u> (120 元/天, 共計 27 天)、<u>保證金 500 元</u>、<u>電費 800 元</u><br/> <u>Phi lưu trú: 3,240 RMB</u> (120 RMB / ngày, tổng cộng 27 ngày), <u>tiền đặt cọc 500 nhân dân tệ</u>, <u>phi điện 800 Meta</u></p> <p style="text-align: right;">合計: 4,540 元整</p> <p style="text-align: right;">Tổng cộng: 4,540 nhân dân tệ</p> <p><input type="checkbox"/> 《全階段》 114/6/23-114/8/22<br/>         "Toàn pha", 114/6/23-114/8/22<br/> <u>住宿費 7,320 元</u> (120 元/天, 共計 61 天)、<u>保證金 500 元</u>、<u>電費 1,600 元</u><br/> <u>Phi lưu trú: 7,320 nhân dân tệ</u> (120 nhân dân tệ / ngày, tổng cộng 61 ngày), <u>tiền đặt cọc 500 nhân dân tệ</u>, <u>phi điện 1.600 Meta</u></p> <p style="text-align: right;">合計: 9,320 元整</p> <p style="text-align: right;">Tổng cộng: 9,320 nhân dân tệ</p> |                                                                                                                                  |                                                              |

|                                      |                         |                                          |                      |
|--------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------|----------------------|
| 申請人簽名<br>Chữ ký của người<br>nộp đơn | 舍長/輔導員<br>Quản / Cố vấn | 住服組組長<br>Lãnh đạo Nhóm Dịch<br>vụ Dân cư | 出納組<br>Nhóm thu ngân |
| 原床位Giường ban<br>đầu :               | 暑假床位Giường nghỉ<br>hè : | 備註Bình luận :                            |                      |

切結書：本人因個人需要申請學校暑假宿舍床位，住宿期間將嚴守宿舍下列各項規定：

Kết luận: Tôi đăng ký giường trong ký túc xá mùa hè của trường do nhu cầu cá nhân của mình và tôi sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định sau của ký túc xá trong thời gian lưu trú:

一、暑假期間門禁時間為凌晨1點至早上6點。

Trong kỳ nghỉ hè, lệnh giới nghiêm là từ 1 giờ sáng đến 6 giờ sáng.

二、寢室保持整潔垃圾不得留置其中，行動安靜不得影響他人，寢室內嚴禁吸煙賭博、煮食等違規行為。

Giữ cho ký túc xá sạch sẽ và gọn gàng, không được để rác trong đó, hành động yên tĩnh không được ảnh hưởng đến người khác, nghiêm cấm hút thuốc và cờ bạc trong ký túc xá, Nấu ăn và các bất thường khác

三、公共區域維護與平時相同均依各舍舍長分配區域清掃。

Việc bảo trì các khu vực công cộng như bình thường, việc vệ sinh khu vực được phân bổ theo trưởng từng cửa hàng.

四、搬離宿舍時必須經由輔導員或舍長檢查完畢後，並於檢查表上簽名始得離開；保證金於開學後匯入帳戶。

Khi chuyển ra khỏi ký túc xá, bạn phải được tư vấn viên hoặc giám sát viên kiểm tra và ký vào danh sách kiểm tra trước khi rời đi;

Tiền đặt cọc sẽ được ghi có vào tài khoản sau khi bắt đầu năm học.

\* 五、離舍規定：

Quy định khởi hành:

1. 離舍時間於每階段截止日至中午12時前，務必完成離舍程序準時搬離。

Thời gian khởi hành là từ thời hạn của mỗi giai đoạn đến 12 giờ trưa, và bạn phải hoàn thành thủ tục khởi hành và di chuyển đúng giờ.

2. 全階段住宿者請務必於114年8月22日中午12點前，依規定準時搬離。

Cư dân của tất cả các giai đoạn phải dọn ra ngoài đúng giờ trước 12 giờ trưa ngày 22 tháng 8 năm 114

3. 承上述兩點如延遲未完成離宿程序，則另核算住宿費(150/天、含電費)。

Nếu thủ tục khởi hành không hoàn tất sau hai điểm trên, phí lưu trú (150/ngày, bao gồm điện) sẽ được tính riêng.

4. 未依規定完成封舍者，保證金不予歸還。

Nếu việc niêm phong không được hoàn thành theo quy định, tiền đặt cọc sẽ không được trả lại.

六、暑假無法準確精算各房間用電，故本次電費採一次繳納，不多退少補。

Trong kỳ nghỉ hè, không thể tính toán chính xác lượng điện tiêu thụ của từng phòng, vì vậy hóa đơn tiền điện sẽ được thanh toán một lần, và phí điện sẽ được hoàn lại và bù đắp cho số tiền ít hơn

立切結書人：  
Cắt ngay sách:

中華民國      年      月      日  
Đài Loan      Năm      tháng      ngày